**TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP LỊCH SỬ 11**

 **HỌC KỲ II**

**BÀI 15: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ**

**NHẬN BIẾT**

Câu 1. Phong trào Ngũ tứ được coi là

A. Cách mạng dân chủ tư sản. B. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

C. Cách mạng vô sản. D. Cách mạng giải phóng dân tộc..

Câu 2. Lực lượng chính tham gia vào phong trào Ngũ tứ ngay từ ngày đầu bùng nổ là

A. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản. B. Sinh viên yêu nước ở Bắc Kinh.

C. Tư sản dân tộc và nông dân. D. Tất cả các tầng lớp nhân dân.

Câu 3. Ngày 4/5/1919, ở Trung Quốc diễn ra.

A. Phong trào Ngũ Tứ. B. Cuộc chiến tranh Bắc phạt.

C. Nội chiến Quốc-Cộng. D. Cuộc Vạn lí trường chinh.

Câu 4. Sau phong trào Ngũ tứ, giai cấp nào nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Trung Quốc?

A. Nông dân. B. Tiểu tư sản. C. Tư sản. D. Vô sản.

Câu 5. Tháng 7/1921, ở Trung Quốc đã diễn ra sự kiện lịch sử gì?

A. Cuộc chiến tranh Bắc phạt bùng nổ. B. Cuộc nội chiến Quốc-Cộng nổ ra.

C. Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập. D. Chủ nghĩa Mác-Lênin được truyền bá vào TQ.

Câu 6. Phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ những năm 1918-1929 đặt dưới sự lãnh đạo của

A. Đảng Quốc đại. B. Đảng Cộng sản.

C. Đảng Quốc xã. D. Đảng tự do.

**THÔNG HIỂU**

Câu 1. Phong trào Ngũ tứ đã giương cao khẩu hiệu:

A. “Trung Quốc bất khả xâm phạm”. B. “ Đã đảo đế quốc xâm lược”.

C. “Trung Quốc của người Trung Quốc”. D. “Trung Quốc độc lập muôn năm”.

Câu 2. Phong trào Ngũ tứ đã mở đầu cao trào cách mạng chống lại thế lực nào ở Trung Quốc?

A. Đế quốc và tư sản mại bản. B. Đế quốc và phong kiến.

C. Đế quốc và bọn phản cách mạng. D. Tư sản và phong kiến.

Câu 3. Tác dụng lớn nhất của phong trào Ngũ tứ ở Trung Quốc là gì?

A. Tạo điều kiện cho cho chủ nghĩa Mác-Lê nin được truyền bá vào Trung Quốc.

B. Cạo điều kiện cho tư tưởng cách mạng tháng Mười Nga thấm sâu vào Trung Quốc.

C. Thúc đẩy phong trào công nhân phát triên mạnh mẽ ở Trung Quốc.

D. Dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1921.

**VẬN DỤNG THẤP**

Câu 1. Phong trào Ngũ tứ đánh dấu bước chuyển của cách mạng Trung Quốc từ

A. đánh đổ phong kiến sang đánh đổ đế quốc.

B. cách mạng dân chủ sang cách mạng dân tộc.

C. cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng vô sản.

D. cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ sang cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

Câu 2. Phong trào Ngũ tứ ở Trung Quốc diễn ra nhằm mục đích gì?

A. Chống lại sự bành trướng Trung Quốc của Nhật Bản.

B. Ngăn chặn âm mưu nhòm ngó xâm lược của thực dân Anh.

C. Phản đối âm mưu xâu xé Trung Quốc của các nước đế quốc.

D. Kêu gọi học sinh, sinh viên chống lại đế quốc, phong kiến.

**Bài 16: CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI ( 1918 – 1939)**

Câu 1. Nét mới trong phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới ( 1918 – 1939) là gì?

A. Sự lớn mạnh của giai cấp tư sản dân tộc trong phong trào đấu tranh.

B. Một số chính đảng tư sản được thành lập và có ảnh hưởng rộng rãi.

C. Giai cấp vô sản bắt đầu trưởng thành từ thập niên 1920.

D. Các Đảng Cộng sản thành lập và lãnh đạo phong trào đấu tranh.

Câu 2. Mục tiêu đấu tranh mà giai cấp tư sản dân tộc đề ra trong phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á là

A. đòi quyền lãnh đạo cách mạng. B. đoàn kết các lược lượng để chống đế quốc.

C. đấu tranh giành độc lập bằng hòa bình. D. đòi quyền tự do kinh doanh, tự chủ về chính trị.

Câu 3. Liên minh chiến đấu chống Pháp của nhân dân 3 nước Đông Dương trong giai đoạn 1918 – 1939 được thể hiện ở sự kiện nào?

A. Sự ra đời của Đảng CS Đông Dương và Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

B. Một số cơ sở bí mật đầu tiên của Đảng được thành lập ở 3 nước Đông Dương.

C. Sự ra đời của Đảng CSVN ( từ 10/1930 là Đảng Cộng sản Đông Dương).

D. Cuộc vận động dân chủ Đông Dương đã tập hợp đông đảo nhân dân Đông Dương.

Câu 4. Nguyên nhân chính của phong trào đấu tranh chống Pháp ở Lào và Campuchia trong những năm 1918 – 1939 là

A. Thực dân Pháp đàn áp dã man những người cộng sản, phá vỡ các cơ sở cách mạng.

B. Sự ra đời của Đảng CSVN ( từ 10/1930 là Đảng Cộng sản Đông Dương) lãnh đạo nhân dân đấu tranh.

C. Cuộc vận động dân chủ đã tạo động lực cho sự phát triển của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

D. Chính sách khai thác thuộc địa và chế độ thuế khóa, lao dịch nặng nề của thực dân Pháp.

Câu 5. Cuộc khởi nghĩa nào của Lào trong những năm 1918 – 1939 lan rộng đến vùng Tây Bắc Việt Nam?

A. Khởi nghĩa của Ong Kẹo. B. Khởi nghĩa của Com-ma-dam.

C. Khởi nghĩa của Chậu pa-chay. D. Phong trào chống thuế.

Câu 6. Sau CTTG I, trước sự chèn ép của các nước đế quốc, giai cấp nào ở khu vực Đông Nam Á đã hăng hái đứng ra lập đảng phái, tổ chức chính trị đấu tranh?

A. Tư sản dân tộc. B. Tư sản.

C. Nông dân. D. Công nhân.

Câu 7. Trong những năm 1929-1933 sự kiện nào là tiêu biểu cho phong trào chống Pháp ở Đông Dương?

A. Cuộc khởi nghĩa của người Mèo ở Bắc Lào và Tây Bắc Việt Nam

B. Cuộc khởi nghĩa của Ong Kẹo và Com-ma-đam.

C. Cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh 1930-1931

D. Phong trào chống thuế ở Công-pông-chơ-năng.

Câu 8. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào vô sản ở Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất đã dẫn đến

A. Hình thành cao trào cách mạng. B. Chủ nghĩa Mác-Lê nin truyền bá sâu rộng.

C. Giai cấp công nhân ngày càng trưởng thành. D. Đảng Cộng sản thành lập ở các nước

Câu 9. Sự ra đời của Đảng cộng sản ở các nước Đông Nam Á đã khẳng định điều gì?

A. Cách mạng ở Đông Nam Á chấm dứt thời kì khủng hoảng về lãnh đạo.

B. Giai cấp công nhân trở thành lực lượng chính trị quan trọng.

C. Hình thành cao trào cách mạng.

D. Chủ nghĩa Mác-Lê nin có điều kiện ảnh hưởng sâu rộng.

Câu 10. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp nào ở Đông Nam Á lớn mạnh cùng sự phát triển kinh tế công thương nghiệp?

A. Giai cấp công nhân. B. Giai cấp nông dân.

C. Giai cấp TS dân tộc. D. Giai cấp TS mại bản.

Câu 11. Đảng Cộng sản nước nào được thành lập đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Đảng CS Việt Nam. B. Đảng CS Phi-lip-pin.

C. Đảng CS Mã Lai. D. Đảng CS In-đô-nê-xi-a.

Câu 12. Trong những năm 1930, các Đảng CS lần lượt ra đời ở những nước nào thuộc khu vực Đông Nam Á?

A. Việt Nam, Mã Lai, Xiêm, Phi-lip-pin. B. Việt Nam, In-đô-nê-xi-a, Xiêm.

C. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Mã lai. D. Việt Nam, Mã Lai, Lào, In-đô-nê-xi-a.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Bài 16. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)**

**Câu hỏi nhận biết**

Câu1. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, nơi nào được coi là thuộc địa quan trọng và giàu có nhất trong các thuộc địa của Pháp?

A. Đông Nam Á. B. Việt Nam

C. Ba nước Đông Dương. D. Châu Mĩ la tinh.

Câu 2. Sự phân hóa xã hội của các nước Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất bị tác động bởi yếu tố nào?

A. Sự thống trị của các nước đế quốc. B. Cuộc khai thác của các nước đế quốc.

C. Sự xâm nhập của nền kinh tế TBCN. D. Hậu quả của cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 3. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, trước sự chèn ép của các nước đế quốc giai cấp nào hăng hái đứng ra lập đảng phái, tổ chức chính trị để đấu tranh?

A. Tư sản dân tộc. B. Tư sản.

C. Nông dân. D. Công nhân.

Câu 4. Trong những năm 1929-1933 sự kiện nào là tiêu biểu cho phong trào chống Pháp ở Đông Dương?

A. Cuộc khởi nghĩa của người Mèo B. Đảng cộng sản Đông Dương thành lập.

C. Phong trào cách mạng 1930-1931. D. Phong trào chống thuế ở Công-pông-chơ-năng.

Câu 5. Đảng Cộng sản ở các nước Đông Nam Á thành lập chịu ảnh hưởng bởi cơ sở lí luận nào?

A. Cách mạng tháng Mười. B. Các cuộc cách mạng dân chủ tư sản.

C. Chủ nghĩa xã hội khoa học. D. Phong trào công nhân.

Câu 6. Vì sao trong những năm 20 của thế kỉ XX chủ nghĩa Mác-Lê nin được truyền bá vào Đông Dương?

A. Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi và tác động.

B. Các cuộc cách mạng dân chủ tư sản không ngừng diễn ra.

C. Chủ nghĩa xã hội khoa học hình thành.

D. Phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ.

Câu 7. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân đã dẫn đến

A. hình thành cao trào cách mạng.

B. chủ nghĩa Mác-Lê nin có điều kiện ảnh hưởng.

C. giai cấp công nhân ngày càng trưởng thành.

D. Đảng cộng sản thành lập ở các nước.

**Câu hỏi thông hiểu**

Câu 8. Điểm nổi bật trong hoạt động chính trị của giai cấp tư sản ở các nước Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất là

A. đấu tranh đòi những quyền lợi kinh tế.

B. đòi quyền tự chủ về chính trị, quyền tự do trong kinh doanh.

C. đòi thi hành những cải cách dân chủ.

D. đấu tranh đòi quyền kinh doanh và được tham gia trong một số cơ quan nhà nước.

Câu 9. Lực lượng nào đã đóng vai trò nổi bật trong việc phát động các phong trào dân tộc tư sản ở các nước Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất ?

A. Giai cấp tư sản dân tộc.

B. Tầng lướp dân nghèo thành thị.

C. Giai cấp công nhân.

D. Tầng lớp tri thức học sinh, sinh viên, viên chức.

Câu 10. Từ những năm 20 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á đã xuất hiện và phát triển một xu hướng mới là

A. xu hướng tư sản. B. xu hướng bạo động.

C. xu hướng cải cách. D. xu hướng vô sản.

Câu 11. Đảng Cộng sản được thành lập sớm nhất ở Đông Nam Á là

A. Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a.

C. Đảng Cộng sản Phi-lip-pin.

D. Đảng Cộng sản Miến Điện.

Câu 12. Sự kiện nàotrong nửa đầu thập niên 30 (1930-1935) đã đánh dấu phong trào cách mạng Lào và Cam-pu-chia chuyển sang một thời kì mới ?

A. Chính quyền Xô viết được thành lập ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

B. Đảng nhân dân Cách mạng Lào thành lập.

C. Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời.

D. Đảng nhân dân Cách mạng Cam-pu-chia thành lập

Câu 13. Phong trào nào sau đây đã tập hợp đông đảo đã tập hợp các tầng lớp nhân dân để chống bọn phản động thuộc địa , chống phát xít và chiến tranh ở Đông Dương.

A. Phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

B. Phong trào đoàn kết các Đảng Cộng sản ở khu vực Đông Nam Á.

C. Phong trào Xô viết.

D. Phong trào dân chủ.

Câu 14. Cuộc khởi nghĩa nào tiêu biểu cho liên minh chống Pháp của hai nước Việt- Lào?

A. Khởi nghĩa Ông Kẹo và Com- ma- đam.

B. Khởi nghĩa của Châu Pa- chay.

C. Khởi nghĩa của nông dân Rô-lê-phan.

D. Khởi nghĩa ở Bô- lô –ven.

**Câu hỏi vận dụng các cấp độ**

Câu 15. Điểm mới của phong trào dân tộc tư sản ở Đông Nam Á sau Chiến Tranh thế giới thứ nhất là

A. kiên quyết từ bỏ con đường cải lương.

B. thành lập được các tổ chức chính đảng tư sản có mục tiêu giành độc lập dân tộc rõ ràng.

C. lôi kéo được giai cấp công nhân trong nước đi theo làm cách mạng.

D. chỉ tập trung đấu tranh đòi quyền lợi chính trị.

Câu 16. Sự ra đời của Đảng cộng sản ở các nước Đông Nam Á đã khẳng định điều gì?

A. Cách mạng ở Đông Nam Á chấm dứt thời kì khủng hoảng về lãnh đạo.

B. Giai cấp công nhân trở thành lực lượng chính tri quan trọng.

C. Hình thành cao trào cách mạng.

D. Chủ nghĩa Mác-Lê nin có điều kiện ảnh hưởng.

Câu 17. Đặc điểm lớn nhất của phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các dân tộc Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất là

A. Chỉ có xu hướng tư sản phát triển manh.

B. Tồn tại và phát triển song song hai xu hướng tư sản và vô sản.

C. Chỉ có xu hướng vô sản.

D. Chỉ có xu hướng cải cách.

Câu 18. Đâu là nguyên nhân thất bại của phong trào chống Pháp của nhân dân Lào và Cam-pu-chia sau chiến tranh thế giới thứ nhất ?

A. Còn tự phát, phân tán, chưa có một tổ chức, lãnh đạo chưa đủ khả năng.

B. Không lôi kéo được đông đảo nhân dân lao động tham gia.

C. Nội bộ những ngừoi lãnh đạo có sự chia rẽ, mất đoàn kết.

D. Sự xung đột gay gắt giữa hai dân tộc Cam-pu-chia và Lào.

Câu 19. Quy luật nào rút ra từ phong trào đấu tranh giành và giữ nền độc lập dân tộc của cá nước trên bán đảo Đông Dương trên bán đảo Đông Dương?

A. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

B. Sự lãnh đạo của đảng Dân tộc tư sản.

C. Liên minh, đoàn kết chiến đấu cùng chống kẻ thù chung.

D. Sự lãnh đạo của Mặt trận dân tộc thống nhất.

Câu 20. Điểm khác biệt về lực lượng lãnh đạo trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của ba nước Đông Dương so với các nước Đông Nam Á từ thập niên 30 của thế kỉ XX trở đi là

A. lãnh đạo của giai cấp tư sản dân tộc.

B. lãnh đạo của Mặt trận dân tộc thống nhất.

C. sự lãnh đạo của các tổ chức chính trị, xã hội.

D. sự lãnh đạo của Đảng cộng sản

**BÀI 19 : NHÂN DÂN VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP XÂM LƯỢC ( TỪ 1858- ĐẾN 1873 )**

Câu 1. Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam nhằm

 A. biến Việt Nam thành thuộc địa.

 B. bù đắp những thiệt hại do chiến tranh.

 C. hoàn thành xâm chiếm các nước châu Á.

 D. giúp Nhà Nguyễn củng cố chính quyền phong kiến.

Câu 2. Vào giữa thế kỉ XIX, trước khi bị thực dân Pháp xâm lược, Việt Nam là một quốc gia

 A. thuộc địa.

 B. phong kiến lệ thuộc vào nước ngoài.

 C. nửa thuộc địa nửa phong kiến.

 D. phong kiến độc lập, có chủ quyền.

Câu 3. Cuộc kháng chiến của quân dân ta ở Đà Nẵng ( từ tháng 8/1958 đến tháng 2/1859 ) đã

 A. làm thất bại hoàn toàn âm mưu “ đánh nhanh, thắng nhanh ” của Pháp.

 B. bước đầu làm thất bại âm mưu “ đánh nhanh, thắng nhanh ” của Pháp.

 C. bước đầu làm thất bại âm mưu “ chinh phục từng gói nhỏ ” của Pháp.

 D. làm thất bại âm mưu “ chinh phục từng gói nhỏ ” của Pháp.

Câu 4. Đốt cháy tàu Ét-pê-răng (10/12/1861) trên sông Vàm cỏ là chiến công của

 A. nghĩa quânTrương Quyền.

 B. nghĩa quân Nguyễn Trung Trực.

 C. nghĩa Quân Trương Định.

 D. nghĩa quân Tôn thất Thuyết.

Câu 5. Năm 1858 Pháp tấn công Đà Nẵng với chiến thuật

 A. đánh lấn dần. B. đánh lâu dài.

 C. "chinh phục từng gói nhỏ". D. đánh nhanh thắng nhanh.

Câu 6. Nhà Nguyễn ký hiệp ước Nhâm Tuất 1862 với Pháp trong hoàn cảnh nào ?

 A. Phong trào kháng chiến của ta dâng cao, quân giặc bối rối.

 B. Pháp đã chiếm xong 6 tỉnh Nam Kì.

 C. Phong trào kháng chiến của nhân dân Nam Kì phát triển mạnh.

 D. Quân dân ta đã giành chiến thắng Cầu Giấy lần thư nhất.

Câu 7. Khi biết tin Pháp tấn công Đà Nẵng,Ô ng đã tự chiêu mộ 300 người, xin Vua được ra chiến trường. Ông là ai ?

 A. Phan Văn Trị. B. Nguyễn Trường Tộ.

 C. Phạm Văn Nghị. D. Nguyễn Trị Phương.

Câu 8. Đâu không phải là nội dung của hiệp ước Nhâm Tuất ( 5/6/1862).

A. triều đình nhường hẳn cho Pháp 3 tỉnh miền Đông Nam Kì.

B. bồi thường cho Pháp 20 triệu quan.

 C. triều đình phải mở 3 cửa biển : Ba Lạt, Quảng Yên, Đà Nẵng

D. triều đình chính thức thừa nhận 6 tỉnh Nam Kì là vùng đất thuộc Pháp.

**Câu 9.** Ông là người được nhân dân phong “Bình Tây đại nguyên soái”.

A. Trương Quyền. B. Nguyễn Trung Trực.
C. Trương Định. D. Nguyễn Tri Phương.

Câu 10. Bản Hiệp ước đầu hàng đầu tiên nhà Nguyễn kí với Pháp là

A. Nhâm Tuất. B.Tân Sửu.

C.Giáp Tuất. D. Hắc Măng.

Câu 11. Tại mặt trận Đà Nẵng, quân dân ta đã sử dụng chiến thuật gì chống lại liên quân Pháp -Tây Ban Nha?

A.“ thủ hiểm ”.

B.“ đánh nhanh thắng nhanh ”.

C.“ chinh phục từng gói nhỏ ”.

D. “vườn không nhà trống”.

Câu 12. Ngày 17/2/1859 diễn ra sự kiện nào sau đây ?

A. Liên quân Pháp –Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng.

B. Thực dân Pháp tấn công thành Gia Định.

C. Thực dân Pháp tấn công đại đồn Chí Hòa.

D. Triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất.

Câu 13. Một trong những âm mưu của thực dân Pháp khi đưa quân từ Đà Nẵng vào Gia Định(2.1959)

A. làm bàn đạp tấn công kinh thành Huế.

B. hoàn thành chiếm Trung kì.

C. cắt đứt con đường tiếp tế lương thực của triều đình.

D. buộc nhà Nguyễn đầu hàng không điều kiện.

Câu 14. Sau khi chiếm thành Gia Định (1859), quân Pháp rơi vào tình thế\*

A. bị nghĩa quân bám sát để quấy rối và tiêu diệt.

B. bị thương vong gần hết.

C. bị quân ta tiêu diệt hoàn toàn.

D. bị thiệt hại nặng nề do bệnh dịch.

Câu 15. Năm 1860,quân triều đình không giành được thắng lợi trên chiến trường Gia Định do

A. không chủ động tấn công giặc.

B. thiếu sự ủng hộ của nhân dân.

C. quân ít.

D. tinh thần quân triều đình sa sút.

Câu 16. Sau Hiệp ước Nhâm Tuất 1862,thái độ của Triều Đình đối với nghĩa binh chống Pháp ở Gia Định,Biên Hòa ĐịnhTường \*

A.khuyến khích và ủng hộ các nghĩa binh.

B.ra lệnh giải tán các nghĩa binh.

C.yêu cầu quân triều đình cùng các nghĩa binh chống Pháp.

D.cử quan lại chỉ huy các nghĩa binh.

Câu 17. Sáng 1-9-1858 diễn ra sự kiện nào sau đây ?

A. Liên quân Pháp-Tây Ban Nha dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng.

B. Liên quân Pháp –Tây Ban Nha nổ súng rồi đổ bộ lên bán đảo Sơn Trà.

C. Pháp chiếm thành Gia Định.

D.Hiệp ước Nhâm Tuất được ký kết.

Câu 18. Với hiệp ước Nhâm Tuất ( 5-6-1862), nhà Nguyễn đã nhượng hẳn cho Pháp

A. Biên hòa,Gia định,Định tường và đảo Côn Lôn.

 B. Biên hòa,Gia định,Vĩnh Long và đảo Côn lôn.

 C. Biên hòa,Hà Tiên ,Định tường và đảo Côn lôn.

 D. An giang,Gia định,Định tường và đảo Côn lôn.

Câu 19. Triều đình Huế thực hiện kế sách gì khi Pháp tấn công Gia Định?

A. Chiêu tập binh sĩ, tích cực đánh Pháp.

B. đề nghị quân Pháp đàm phán.

C. Thương lượng để quân Pháp rút lui.

D. xây dựng phòng tuyến để phòng ngự.

Câu 20. Ngày 5/6/1862, diễn ra sự kiện nào sau đây ?

A. Liên quân Pháp –Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng.

B. Thực dân Pháp tấn công thành Gia Định.

C, Thực dân Pháp tấn công đại đồn Chí Hòa.

D.Triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất.

Câu 21. Âm mưu của thực dân Pháp khi tấn công Đà Nẵng là

A. thực hiện kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh.

B. chiếm Đà Nẵng để lập một tô giới riêng của Pháp.

C. chiếm Đà Nẵng làm căn cứ rồi tấn công ra Huế.

D. biến Đà Nẵng thành thị trường độc chiếm của Pháp.

Câu 22. Sau thất bại ở Đà Nẵng, Pháp chuẩn bị kế hoạch gì tiếp theo?

A. Cố thủ chờ viện binh. B. Đánh thẳng kinh thành Huế.

C. Nhờ Anh giúp đỡ đánh tiếp. D. Kéo quân vào đánh Gia Định.

Câu 23. Lực lượng tấn công Đà Nẵng vào cuối năm 1858, bao gồm liên quân của các nước

A. Pháp – Mĩ. B. Pháp – Anh.

C. Pháp –Tây Ban Nha. D. Pháp – Bồ Đào Nha.

Câu 24. Ba tỉnh miền Tây Nam Kì bị Pháp chiếm nhanh chóng vào 1867 là

 A. Hà Tiên, Vĩnh Long, Kiên Giang.

B. Vĩnh Long, Định Tường, An Giang.

C. Hà Tiên, An Giang, Cần Thơ.

D. Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

Câu 25. Vì sao thực dân Pháp chiếm được 3 tỉnh miền Tây Nam Kì một cách nhanh chóng?

A. Quân đội triều đình trang bị vũ khí quá kém.

B. Triều đình bạc nhược, thiếu kiên quyết chống Pháp.

C. Thực dân Pháp tấn công bất ngờ.

D. Nhân dân không ủng hộ triều đình chống Pháp.

Câu 26. Ngày 23/2/1861, diễn ra sự kiện nào sau đây ?

A.Liên quân Pháp – Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng.

B. Thực dân Pháp tấn công thành Gia Định.

C. Thực dân Pháp tấn công đại đồn Chí Hòa.

D. Ta kí với Pháp hiệp ước Nhâm Tuất

Câu 27. Ai là tác giả của câu nói “bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam, thì mới hết người Nam đánh Tây” ?

A. Nguyễn Trung Trực. B. Nguyễn Tri Phương.

C. Trương Định. D. Hoàng Diệu.

Câu 28. Đâu không phải là lí do để Pháp chọn Đà Nẵng là mục tiêu tấn công nước ta đầu tiên ?

A. Cảng biển sâu, rộng. B. Gần kinh thành Huế.

C. Gần đồng bằng Nam-Ngãi. D. Là vựa lúa lớn của Việt Nam.

**BÀI 20. CHIẾN SỰ LAN RỘNG RA CẢ NƯỚC. CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN TA TỪ 1873-1884. NHÀ NGUYỄN ĐẦU HÀNG.**

Câu 1. Lấy cớ gì thực dân Pháp đem quân tấn công Hà Nội lần thứ nhất?

A. Nhà Nguyễn tiếp tục liên lạc với nhà Thanh.

B. Vì nhu cầu về thị trường, nguyên liệu, nhân công,…

C. Nhà Nguyễn không trả chiến phí cho Pháp.

D. Giải quyết vụ gây rối của Đuy-puy.

Câu 2. Người lãnh đạo cuộc chiến đấu chống Pháp tấn công thành Hà Nội lần nhất là

A. Nguyễn Tri Phương. B.Tôn Thất Thuyết.

C. Hoàng Diệu. D. Phan Thanh Giản.

Câu 3. Sau thất bại trận Cầu Giấy lần thứ hai (19/5/1883) thực dân Pháp làm gì?

A. Càng củng cố quyết tâm xâm chiếm toàn bộ Việt Nam.

B. cho quân rút khỏi Hà Nội để bảo toàn lực lượng.

C. Tăng viện binh từ Pháp sang để tái chiếm Hà Nội.

D. Tiến hành đàn áp, khủng bố nhân dân ta.

Câu 4. Với hiệp ước Giáp Tuất (ký năm 1874) , triều đình nhà Nguyễn đã chính thức thừa nhận

A. ba tỉnh miền Đông Nam kỳ là đất thuộc Pháp.

B. ba tỉnh miền Tây Nam kỳ là đất thuộc Pháp.

C. sáu tỉnh Nam kỳ là đất thuộc Pháp.

D. sáu tỉnh Nam kỳ và đảo Côn lôn là đất thuộc Pháp.

Câu 5. Người lãnh đạo cuộc chiến đấu chống Pháp tấn công thành Hà Nội lần hai là

A. Nguyễn Tri Phương. B. Tôn Thất Thuyết.

C. Hoàng Diệu. D. Phan Thanh Giản.

Câu 6. Vì sao thực dân Pháp đem quân tấn công Hà nội lần thứ hai?

A. Nhà Nguyễn tiếp tục liên lạc với nhà Thanh.

B. Vì nhu cầu về thị trường, nguyên liệu, nhân công,…

D. Giải quyết vụ gây rối của Đuy-puy.

D. Nhà Nguyễn không trả chiến phí cho Pháp.

Câu 7. Sau Hiệp ước Hác-măng (1883), thái độ của triều đình đối với phong trào kháng chiến của nhân dân như thế nào?

A. Ra lệnh chấm dứt các hoạt động chống Pháp trong cả nước.

B. Ra lệnh chấm dứt các hoạt động chống Pháp ở Trung kỳ.

C. Ra lệnh chấm dứt các hoạt động chống Pháp ở Nam kỳ.

D. Ra lệnh chấm dứt các hoạt động chống Pháp ở Bắc Kỳ.

Câu 8. Ngày 20/11/1873, diễn ra sự kiện gì ở Bắc Kì?

A. Pháp nổ súng tấn công thành Hà Nội.

B. Quân dân ta anh dũng đánh bại cuộc tấn công của Pháp ở Hà Nội.

C. Nhân dân Hà Nội chủ động đốt kho đạn của Pháp.

D. Thực dân Pháp đánh chiếm Thanh Hóa.

Câu 9. Lấy cớ gì Pháp đưa quân ra đánh Hà Nội lần thứ hai

A. Pháp có đặc quyền, đặc lợi ở Việt Nam.

B. Nước Pháp bắt đầu bước vào giai đoạn đế quốc chủ nghĩa nên phải có thuộc địa.

C. Triều đình Huế vi phạm Hiệp ước 1874.

D. Triều đình nhà Nguyễn ngang nhiên chống lại Pháp.

Câu 10. Từ ngày 20 đến 24/6/1867, thực dân Pháp đã chiếm ba tỉnh nào ở Nam Kì

A. Vĩnh Long, Đồng Nai, Biên Hòa.

B. An Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng.

C. Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

D. Tiền Giang, Long An, Hà Tiên.

Câu 11. Trận Cầu Giấy năm 1873 (Hà Nội) đã gây cho Pháp tổn thất nặng nề nhất là

A. quân Pháp phải bỏ thành Hà Nội về trấn giữ ở Nam Định.

B. Gác-ni-ê bị chết tại trận.

C. quân Pháp phải rút quân khỏi Miền Bắc.

D. quân Pháp bị bao vây, uy hiếp.

Câu 12. Với hiệp ước Giáp Tuất (ký năm 1874), triều đình nhà Nguyễn đã chính thức thừa nhận

A. Sáu tỉnh Nam kỳ là đất thuộc Pháp.

B. Sáu tỉnh Nam kỳ và đảo Côn lôn là đất thuộc Pháp

C. Ba tỉnh miền Đông Nam kỳ là đất thuộc Pháp.

D. Ba tỉnh miền Tây Nam kỳ là đất thuộc Pháp.

Câu 13. Trận đánh gây được tiếng vang lớn nhất năm 1873 ở Bắc Kì là trận nào?

A. Trận bao vây quân địch ở thành Hà Nội.

B. Trận đánh địch ở Thanh Hóa.

C. Trận phục kích của quân Cờ đen tại Cầu Giấy.

D. Trận phục kích của quân Cờ đen tại cầu Hàm Rồng (Thanh Hóa).

Câu 14. Sự kiện nào đánh dấu thực dân Pháp hoàn thành cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam?

A. Sau khi đánh chiếm Hà Nội lần thứ hai

B. Sau khi Hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốt kí kết.

C. Sau khi đánh chiếm kinh thành Huế.

D. Sau khi đánh chiếm Đà Nẵng.

Câu 15. Vì sao thực dân Pháp tìm cách thương lượng với triều đình Huế thiết lập bản Hiệp ước 1874?

A. Do Pháp bị thất bại trong việc đánh chiếm thành Hà Nội.

B. Do Pháp bị đánh chặn ở Thanh Hóa.

C. Do Pháp bị thất bại ở trận Cầu Giấy lần thứ nhất.

D. Do Pháp bị thất bại ở trận Cầu Giấy lần thứ hai.

Câu 16. Nhận xét nào sau đây đúng nhất nói về ý nghĩa chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta ?

A. Thể hiện lòng yêu nước, ý chí quyết tâm sẵn sàng tiêu diệt giặc của nhân dân ta.

B. Thể hiện lòng yêu nước, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

C. Thể hiện lối đánh tài tình của nhân dân ta.

D. Thể hiện sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ của nhân dân ta trong việc phá thế vòng vây của địch.

**BÀI 21. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM**

Câu 1. Phái chủ chiến, đứng đầu là Tôn Thất Thuyết, tổ chức cuộc phản công quân Pháp và phát động phong trào Cần vương dựa trên cơ sở

A. có sự đồng tâm nhất trí trong Hoàng tộc.

B. có sự ủng hộ của triều đình Mãn Thanh.

C. có sự ủng hộ của đông đảo nhân dân trong cả nước.

D. có sự ủng hộ của bộ phận quan lại chủ chiến trong triều đình và đông đảo nhân dân.

Câu 2. Người đứng đầu trong phái chủ chiến của triều đình Huế là ai?

A. Phan Thanh Giản. B. Nguyễn Trường Tộ.

C. Tôn Thất Thuyết. D. Phan Đình Phùng.

Câu 3. Trong giai đoạn từ năm 1858 đến năm 1888 phong trào Cần vương được đặt dưới sự chỉ huy của ai?

A. Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường.

B. Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.

C. Nguyễn Văn Tường và Trần Xuân Soạn.

D. Nguyễn Đức Nhuận và Đoàn Doãn Địch.

Câu 4. Cuộc khởi nghĩa nào tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương?

A. Khởi nghĩa Hương Khê. B. Khởi nghĩa Ba Đình.

C. Khởi nghĩa Bãi Sậy. D. Khởi nghĩa Yên Thế.

Câu 5. Cuộc khởi nghĩa nào không nằm trong phong trào Cần vương?

A. Khởi nghĩa Hương Khê. B. Khởi nghĩa Ba Đình.

C. Khởi nghĩa Bãi Sậy. D. Khởi nghĩa Yên Thế.

Câu 6. Ai là người đầu tiên chế tạo súng trường theo kiểu Pháp năm 1874?

A. Cao Thắng. B. Trương Định. C. Đề Thám. D. Phan Đình Phùng.

Câu 7. Lãnh đạo khởi nghĩa Hương Khê là ai?

A. Hoàng Hoa Thám và Phan Đình Phùng.

B. Nguyễn Thiện Thuật và Đinh Công Tráng.

C. Phan Đình Phùng và Cao Thắng.

D. Phan Đình Phùng và Đinh Công Tráng.

Câu 8. Cao Thắng được Phan Đình Phùng giao nhiệm vụ gì trong cuộc khởi nghĩa Hương Khê?

A. Chiêu tập binh sĩ, trang bị và huấn luyện quân sự.

B. Xây dựng căn cứ thuộc vùng rừng núi tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

C. Chiêu tập binh sĩ, huấn luyện, xây dựng căn cứ ở Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

D. Chuẩn bị lực lượng và vũ khí cho khởi nghĩa.

Câu 9. Lực lượng nào tham gia đông đảo nhất trong khởi nghĩa nông dân Yên Thế?

A. Công nhân. B. Nông dân.

C. Các dân tộc sống ở miền núi. D. Công nhân và nông dân.

Câu 10. Lãnh đạo của cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế là ai?

A. Phan Đình Phùng, Cao Thắng. B. Đề Nắm, Đề Thám.

C. Cao Thắng, Tôn Thất Thuyết. D. Đề Thám, Cao Thắng.

Câu 11. Vì sao phong trào Cần vương phát triển qua hai giai đoạn?

A. Do Tôn Thất Thuyết bị bắt. B. Do vua Hàm Nghi bị bắt.

C. Do Phan Đình Phùng hi sinh. D. Do Cao Thắng hi sinh.

Câu 12. Vì sao khởi nghĩa Hương Khê là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương?

A. Có lãnh đạo tài giỏi, đúc được súng trường theo kiểu của Pháp, gây cho Pháp những tổn thất nặng nề.

B. Có lãnh đạo tài giỏi, lực lượng tham gia đông đảo.

C. Có căn cứ rộng lớn, lực lượng tham gia đông đảo.

D. Gây cho Pháp những tổn thất nặng nề.

Câu 13. “Cần vương” có nghĩa là

A. giúp vua cứu nước.

B. Những điều bậc quân vương cần làm.

C. Đứng lên cứu nước.

D. Chống Pháp xâm lược.

Câu 14. Đâu không phải là nội dung của chiếu Cần vương?

A. Tố cáo tội ác của thực dân Pháp.

B. Khẳng định quyết tâm chống Pháp của triều đình kháng chiến,đứng đầu là vua Hàm Nghi.

C. Kêu gọi nhân dân đứng lên giúp vua cứu nước, khôi phục quốc gia phong kiến.

D. Kêu gọi bãi binh, thương lượng với Pháp để bảo vệ vương quyền.

Câu 15. Tôn Thất Thuyết thay mặt vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần vương khi đang ở đâu?

A. Kinh đô Huế. B. Căn cứ Ba Đình.

C. Căn cứ Tân sở(Quảng Trị). D. Đồn Mang Cá(Huế).

Câu 16. Nội dung nào không đúng khi nói về mục đích của khởi nghĩa nông dân Yên Thế?

A. Hưởng ứng chiếu Cần vương do Tôn Thất Thuyết mượn danh vua Hàm Nghi ban ra.

B. Chống lại chính sách cướp bóc của thực dân Pháp.

C. Tự đứng lên bảo vệ cuộc sống của quê hương mình.

D. Bất bình với chính sách đàn áp bóc lột của thực dân Pháp.

Câu 17. Thứ tự thời gian đúng của các cuộc khởi nghĩa.

A. Tấn công kinh thành Huế, khởi nghĩa Bãi Sậy, khởi nghĩa Hương Khê.

B. Khởi nghĩa Bãi Sậy, Hương Khê, Yên Thế.

C. Khởi nghĩa Yên Thế, Hương Khê, Bãi Sậy.

D. Khởi nghĩa Hương Khê, Yên Thế, Bãi Sậy.

Câu 18. Thực dân Pháp hoàn thành cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam khi nào?

A. Sau khi đánh chiếm Hà Nội lần thứ 2.

B. Sau khi Hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốt được kí kết.

C. Sau khi đánh chiếm kinh thành Huế.

D. Sau khi đánh chiếm Đà Nẵng.

Câu 19. Sau khi đã hoàn thành về cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp gặp phải sự phản kháng quyết liệt của lực lượng nào?

A. Một số quan lại yêu nước.

B. Một số văn thân, sĩ phu yêu nước.

C. Nhân dân yêu nước ở Trung Kì.

D. Toàn thể dân tộc Việt Nam.

Câu 20. Cuộc khởi nghĩa vũ trang lớn và kéo dài nhất trong phong trào chống Pháp cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là

A. khởi nghĩa Hương Khê. B. khởi nghĩa Ba Đình.

C. khởi nghĩa Bãi Sậy. D. Khởi nghĩa nông dân Yên Thế.

Câu 21. Ý nào không đúng với nội dung của khởi nghĩa Hương Khê?

A. Có lãnh đạo tài giỏi. B. Có nhiều trận đánh nổi tiếng.

C. Có căn cứ địa vững chắc. D. Có vũ khí tối tân.

Câu 22. Vì sao vua Hàm nghi bị thực dân Pháp bắt?

A. Do Trương Quang Ngọc phản bội.

B. Do Phan Đình Phùng hi sinh.

C. Do Cao Thắng hi sinh.

D. Do Tôn Thất Thuyết sang Trung Quốc cầu viện.

Câu 23. Cuộc khởi nghĩa nào có thời gian tồn tại đúng bằng thời gian của phong trào Cần vương?

A.Yên Thế. B. Hương Khê.

C. Bãi Sậy. D. Ba Đình.

Câu 24. Sự khác biệt về thành phần lãnh đạo của khởi nghĩa Yên Thế với phong trào Cần vương là

A. các thủ lĩnh nông dân. B. các quan lại triều đình yêu nước.

C. các văn thân, sĩ phu yêu nước. D. Phái chủ chiến của triều đình.

Câu 25. So với phong trào Cần vương thì khởi nghĩa nông dân Yên Thế

A. có thời gian diễn ra ngắn hơn. B. có thời gian diễn ra dài hơn.

C. có thời gian diễn ra bằng nhau. D. thời gian kết thúc sớm hơn.

Câu 26. Mục đích của cuộc khởi nghĩa Yên Thế là

A. nhằm bảo vệ cuộc sống cho dân vùng Yên Thế.

B. nhằm chống lại triều đình nhà Nguyễn.

C. nhằm đánh đuổi thực dân Pháp ra khỏi đất nước.

D. nhằm hưởng ứng chiếu Cần vương.

Câu 27. Nhận xét của em về tính chất của phong trào Cần vương

A. nhằm chống lại triều đình nhà Nguyễn.

B. nhằm bảo vệ cuộc sống bình yên của mình.

C. mang tính tự phát.

D. giúp vua cứu nước và mang tính dân tộc sâu sắc.

Câu 28. Phong trào Cần vương cuối cùng bị thất bại vì lí do chủ yếu nào sau đây?

A. Thực dân Pháp còn mạnh, lực lượng chống Pháp quá yếu.

B. Phong trào bùng nổ trong lúc Pháp đã đặt ách thống trị Việt Nam

C. Thiếu giai cấp tiên tiến lãnh đạo với đường lối đúng đắn.

D. Phong trào diễn ra trên qui mô còn nhỏ lẻ.

**Bài 21: PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM**

Câu 1. Cuộc khởi nghĩa sau đây không nằm trong phong trào Cần Vương

A. khởi nghĩa Ba Đình. B. khởi nghĩa Yên Thế.

C. khởi nghĩa Bãi Sậy. D. khởi nghĩa Hương Khê.

Câu 2. Vị vua đã hạ chiếu Cần Vương kêu gọi văn thanh, sĩ phu và nhân dân đứng lên giúp vua cứu nước là

A. Hàm Nghi. B. Hiệp Hòa.

C. Duy Tân. D. Đồng Khánh.

Câu 3. Ai là người đáp ứng được yêu cầu của lịch sử dân tộc hồi đầu TK XX

A. Phan Bội Châu. B. Phan Châu Trinh.

C. Hoàng Hoa Thám. D. Nguyễn Ái Quốc.

Câu 4. Điểm khác nhau cơ bản giữa khởi nghĩa Yên Thế và phong trào Cần Vương là

A. thời gian bùng nổ. B. lực lượng tham gia.

C. địa bàn đấu tranh. D. mục tiêu đấu tranh.

Câu 5. Người đứng đầu phái chủ chiến trong triều đình Huế là ai?

A. Vua Hàm Nghi. B. Tôn Thất Thuyết.

C. Tôn Thất Thiệp. D. Trần Tiễn Thành.

Câu 6. Phái chủ chiến đã mở cuộc phản công quân Pháp tại những địa điểm nào?

A. Đồn Mang Cá, tòa Khâm sứ. B. Đồn Mang Cá, Đại Nội.

C. Tòa Khâm sứ, trên sông Hương. D. Tòa Khâm sứ, Đại Nội.

Câu 7. Kết quả cuộc phản công quân Pháp tại Huế của phái chủ chiến là?

A. Đánh bật Pháp ra khỏi kinh thành Huế.

B. Buộc Pháp rút quân về nước.

C. Thất bại nhanh chóng.

D. Pháp thương thuyết với phái chủ chiến.

Câu 8. Tôn Thất Thuyết đã thay mặt vua Hàm Nghi ra chiếu Cần Vương lần nhất tại đâu?

A. Kinh thành Huế. B. Tân Sở (Quảng Trị).

C. Quảng Bình D. Vụ Quang (Hà Tĩnh).

Câu 9. Mục đích của việc ra chiếu Cần vương là gì?

A. Kêu gọi nhân dân giúp vua xây dựng đất nước.

B. Kêu gọi nhân dân giúp vua bảo vệ đất nước.

C. Kêu gọi nhân dân giúp vua cứu nước.

D. Kêu gọi nhân dân giúp vua khôi phục đất nước.

Câu 10. Đặc điểm nào sau đây không thuộc giai đoạn thứ nhất của phong trào Cần vương?

A. Đặt dưới sự lãnh đạo của vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết.

B. Diễn ra sôi nổi, liên tục trên phạm vi rộng lớn.

C. Phong trào quy tụ thành các trung tâm khởi nghĩa lớn, phát triển theo chiều sâu.

D. Thu hút nhiều thành phần, tầng lớp tham gia.

Câu 11. Đặc điểm nào sau đây không thuộc giai đoạn thứ hai của phong trào Cần Vương

A. Phong trào phát triển theo chiều rộng.

B. Đặt dưới sự lãnh đạo của văn than, sĩ phu.

C. Quy tụ thành các trung tâm lớn, hoạt động ở vùng trung du và miền núi.

D. Thu hút nhiều giai cấp, tầng lớp tham gia.

Câu 12. Cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương là?

A. Khởi nghĩa Bãi Sậy. B. Khởi nghĩa Ba Đình.

C. Khởi nghĩa Hương Khê. D. Khởi nghĩa Hùng Lĩnh.

Câu 13. Phong trào Cần vương chấm dứt với sự thất bại của cuộc khởi nghĩa nào?

A. Khởi nghĩa Bãi Sậy. B. Khởi nghĩa Ba Đình.

C. Khởi nghĩa Hương Khê. D. Khởi nghĩa Hùng Lĩnh.

Câu 14. Lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Hương Khê là ai?

A. Nguyến Thiện Thuật. B. Phan Đình Phùng.

C. Hoàng Hoa Thám. D. Đinh Công Tráng.

Câu 15. Lãnh đạo của cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy là ai?

A. Nguyến Thiện Thuật. B. Phan Đình Phùng.

C. Hoàng Hoa Thám. D. Đinh Công Tráng.

Câu 16. Khởi nghĩa Yên Thế nổ ra với mục đích

A. hưởng ứng chiếu Cần vương. B. tự vệ, bảo vệ cuộc sống của mình.

B. chống Pháp mở rộng xâm lược. D. giải phóng dân tộc.

Câu 17. Lực lượng tham gia chủ yếu trong khởi nghĩa Yên Thế là

A. nông dân. B. văn thân, sĩ phu. C. binh lính. C. thợ thủ công.

Câu 18. Tính chất của phong trào Cần vương là

A. giúp vua cứu nước.

B. yêu nước, chống Pháp trên lập trường phong kiến.

C. giúp vua bảo vệ đất nước.

D. chống Pháp và chống phong kiến đầu hàng.

Câu 19. Nguyên nhân lớn nhất dân đến sự thất bại của phong trào Cần vương là

A. do chưa tập hợp được lực lượng đông đảo.

B. chưa phối hợp giữa các cuộc khởi nghĩa.

C. khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo.

D. Pháp quá mạnh nên dễ dàng đàn áp.

Câu 20. Phong trào Cần vương thất bại đã đặt ra yêu cầu cấp thiết gì đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta?

A. Phải liên kết các phong trào đấu tranh thành một khối thống nhất.

B. Huy động kháng chiến của toàn dân để giành độc lập.

C. Phải có giai cấp tiên tiến lãnh đạo với đường lối đấu tranh phù hợp.

D. Phải tăng cường sức mạnh quân sự để có thể đương đầu với Pháp.

Câu 21. Ý nào sau đây không phải là nội dung của chiếu Cần Vương ?

A. Tố cáo tội ác xâm lược của thực dân Pháp..

B. Khẳng định quyết tâm chống Pháp của triều đình kháng chiến đứng đầu là vua Hàm Nghi.

C. Kêu gọi nhân dân đứng lên giúp vua cứu nước, khôi phục quốc gia phong kiến độc lập.

D. Khẳng định quyền độc lập tự chủ của dân tộc ta.

Câu 22. Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt (11/1888) phong trào Cần Vương

A. quy tụ lại thành những trung tâm lớn, có xu hướng đi vào chiều sâu.

B. hoạt động cầm chừng ở trung du và miền núi.

C. tiếp tục hoạt động rộng khắp trong cả nước.

D. chấm dứt hoạt động vì thiếu sự lãnh đạo chung.

Câu 23. Căn cứ Bãi Sậy thuộc tỉnh

A. Hưng Yên. C. Nam Định. B. Thanh Hóa. D. Sơn Tây.

Câu 24. Nghĩa quân chọn Bãi Sậy để xây dựng căn cứ vì

A. địa thế rừng núi hiểm trở, thuận lợi cho cách đánh du kích.

B. vùng đầm, hồ, lau sậy um tùm, dễ che dấu lực lượng mai phục và đánh địch.

C. vùng đầm lầy, nghĩa quân có thể xây dựng căn cứ phòng thủ.

D. vùng trung du, dễ đánh và rút lui.

**Bài 22. XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG CUỘC KHAI THÁC THUỘC ĐỊA CỦA THỰC DÂN PHÁP.**

**I. MỨC ĐỘ NHẬN BIẾT**

Câu 1. Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp tập trung vào

 A. ngoại thương, quân sự và giao thông.

 B. nông nghiệp, công nghiệp và quân sự.

 C. phát triển kinh tế nông nghiệp và công thương nghiệp.

 D. cướp đất lập đồn điền, khai mỏ, thu thuế và giao thông.

Câu 2. Tầng lớp tiểu tư sản không bao gồm thành phần nào dưới đây?

A. Nhà báo, nhà giáo. B. Chủ các hãng buôn.

C. Học sinh, sinh viên. D. Tiểu thương, tiểu chủ.

Câu 3. Dưới tác động của chương trình khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam hình thành các lực lượng mới nào?

 A. Nông dân, địa chủ phong kiến, tư sản. B. Nông dân, công nhân, tiểu tư sản.

 C. Công nhân, tư sản, tiểu tư sản. D. Nông nhân, tư sản, tiểu tư sản.

Câu 4. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, thực dân Pháp chưa đầu tư xây dựng ngành giao thông

A. đường hàng không. B. đường thủy.

C. đường sắt. D. đường bộ.

Câu 5. Thực dân Pháp bắt đầu tiến hành khai thác thuộc địa từ thời điểm nào?

 A. Bắt đầu xâm lược Việt Nam. B. Hiệp ước Hác- măng được ký kết.

C. Khi quân nhà Nguyễn thất bại . D. Khi Pháp căn bản hoàn thành xâm lược Việt Nam.

Câu 6. Để cai trị,thực dân Pháp thực hiện thủ đoạn chính trị thâm độc nào?

 A. Chính sách chia để trị. B. Cấu kết chặt chẽ với địa chủ phong kiến.

 C. Mua chuộc tầng lớp sĩ phu, quan lại. D. Đàn áp dã man các cuộc đấu tranh.

**II. MỨC ĐỘ THÔNG HIỂU**

Câu 1. Chỗ dựa quan trọng nhất của thực dân Pháp trong quá trình thống trị nước ta là giai cấp

A. nông dân. B. công nhân.

C. tư sản. D. địa chủ phong kiến.

Câu 2. Lực lượng đông đảo nhất trong phong trào chống Pháp ở xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX là

 A. nông dân. B. công nhân. C. tư sản. D. tiểu tư sản.

Câu 3. Một bộ phận nhỏ của giai cấp địa chủ đã phân hóa theo hướng như thế nào?

A. Giàu lên, trở thành tay sai của thực dân Pháp. B. Bị mất ruộng đất, trở thành nông dân làm thuê.

C. Nghèo đi, bị đế quốc chèn ép, áp bức. D. Bị phá sản hoàn toàn, trở thành công nhân

Câu 4. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, công nhân Việt Nam đấu tranh vì mục tiêu gì?

A. Đòi quyền lợi về kinh tế.

B. Đòi chính quyền thực dân cho tham gia vào đời sống chính trị.

C. Đòi thực dân Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam

D. Đòi chính quyền thực dân thực hiện các quyền dân chủ rộng rãi.

Câu 5. Trong cuộc khai thác lần thứ nhất, thực dân Pháp chú trọng xây dựng hệ thống giao thông nhằm mục đích gì?

 A. Khuếch trương hình ảnh hiện đại của nền văn minh Pháp.

 B. Tạo điều kiện cho dân ta đi lại thuận lợi hơn.

 C. Tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế Việt Nam phát triển.

 D. Phục vụ cho công cuộc khai thác, bóc lột và quân sự.

Câu 6. Nét nổi bật nhất trong chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp là

 A. chính sách cướp đoạt ruộng đất.

 B. xây dựng hệ thống giao thông phục vụ khai thác.

 C. khai thác mỏ lấy nguyên liệu phục vụ công nghiệp Pháp.

 D. mở mang một số cảng biển để chuyên chở hàng hóa.

Câu 7. Xã hội Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất mang tính chất

 A. xã hội phong kiến B. xã hội tư bản chủ nghĩa.

 C. xã hội thuộc địa. D. xã hội thuộc địa nửa phong kiến

Câu 8. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp đã tác động đến xã hội Việt Nam như thế nào?

 A. Giai cấp nông dân tăng nhanh về số lượng.

B. Hình thành giai cấp tư sản và giai cấp tiểu tư sản.

 C. Hình thành giai cấp công nhân và 2 tầng lớp tư sản, tiểu tư sản.

 D. Giai cấp nông dân tăng nhanh về số lượng và giác ngộ cách mạng.

**III. MỨC ĐỘ VẬN DỤNG**

Câu 1. Nhận xét nào dưới đây đúng về cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp?

 A. Bên cạnh khai thác, thực dân Pháp quan tâm đầu tư phát triển kinh tế.

B. Bên cạnh khai thác, thực dân Pháp xây dựng nhiều trường học để đào tạo lao động.

 C. Thực dân pháp không chú trọng khai đầu tư phát triển công nghiệp nặng.

D. Bên cạnh khai thác, thực dân Pháp tăng cường đàn áp các cuộc đấu tranh.

Câu 2. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp đã tác động đến nền kinh tế nước ta như thế nào?

 A. Làm kinh tế Việt Nam phát triển mất cân đối, lệ thuộc vào kinh tế Pháp.

B. Làm kinh tế Việt Nam phát triển mạnh với nhiều ngành mới.

 C. Kinh tế Việt Nam không có chuyển biến nào, ngày càng lạc hậu.

 D. Kinh tế Việt Nam chuyển từ kinh tế phong kiến sang kinh tế tư bản chủ nghĩa.

**IV. MỨC ĐỘ VẬN DỤNG CAO.**

Câu 1. Khác với giai cấp nông dân, tầng lớp tư sản có

 A. cách mạng triệt để nhất. B. thái độ cách mạng triệt để.

 C. không kiên định, dễ thỏa hiệp D. Hợp tác chặt chẽ với thực dân Pháp.

Câu 2. Vì sao dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất đã tạo ra điều kiện mới bên trong cho cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng mới?

 A. Vì làm cho kinh tế Việt Nam kiệt quệ.

 B. Vì làm kinh tế Việt Nam phát triển hơn trước.

 C. Vì đã tạo ra những chuyển biến mới về kinh tế - xã hội.

 D. Vì đã du nhập phương thức sản xuất tiến bộ vào nước ta.

Câu 3. Vì sao thực dân Pháp không chú trọng đầu tư khai thác công nghiệp nặng?

 A. Pháp không đủ điều kiện khoa học kỷ thuật.

 B. Pháp đã đầu tư hết vốn vào các ngành khác.

 C. đây là ngành có vốn đầu tư lớn và khó thu lại lợi nhuận.

 D. nước ta thiếu những quặng kim loại để phục vụ phát triển công nghiệp nặng.

Câu 4. Vì sao trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, công nhân Việt Nam chỉ dừng lại ở đấu tranh đòi quyền lợi về kinh tế?

 A. Vì số lượng còn ít do mới ra đời. B. Vì đời sống vật chất còn thiếu thốn.

 C. Vì chưa được giác ngộ lý luận cách mạng. D. Vì bị sự quản lý chặt chẻ của thực dân Pháp.

**Bài 23: PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG Ở VIỆT NAM**

Câu 1. Tiêu biểu cho khuynh hướng cứu nước theo con đường dân chủ tư sản đầu TK XX là

A. Trần Quý Cáp, Ngô Đức Kế. B. Lương Văn Can, Nguyễn Quyền.

C. Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh. D. Thái Phiên, Trần Cao Vân.

Câu 2. Con đường cứu nước đầu thế kỉ XX ở Việt Nam là

A. cứu nước theo tư tưởng phong kiến . B. cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ.

C. cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới . D. cách mạng vô sản.

Câu 3. Ý nào sau đây không phải lý do khiên Phan Bội Châu muốn dựa vào Nhật Bản để giành độc lập dân tộc?

A. Nhật Bản là một nước ở châu Á, có điều kiện tự nhiên, xã hội, văn hóa gần giống với Việt Nam.

B. Nhật Bản đã từng đứng trước nguy cơ bị thực dân phương Tây xâm lược.

C. Sau cuộc Duy Tân Minh trị (1868), Nhật Bản trở thành một nước tư bản hùng mạnh.

D. Chính phủ Nhật Bản cam kết giúp đỡ phong trào độc lập dân tộc của Việt Nam.

Câu 4. Tổ chức hoặc phong trào nào sau đây không gắn liền với tên tuổi của Phan Bội Châu?

A. Hội Duy Tân. B. Phong trào Đông Du.

C. Phong trào Duy Tân. D. Việt Nam Quang phục hội.

Câu 5. Tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu có điểm gì giống với tư tưởng cứu nước thời phong kiến?

A. Cứu nước bằng phương pháp bạo động vũ trang.

B. Lãnh đạo phong trào thông qua những hình thức tổ chức phù hợp.

C. Giải phóng dân tộc tiến tới thành lập chính thể quân chủ lập hiến ở Việt Nam.

D. Lấy dân làm gốc, ‘dân là dân nước, nước là nước dân’.

Câu 6. Hạn chế căn bản trong tư tưởng cứu nước của cụ Phan Châu Trinh là

A. kịch liệt phản đổi chủ trương bạo động, vốn là phương pháp truyền thống, rất có hiệu quả trong cuộc đấu tranh giành và giữ độc lập dân tộc trong lịch sử.

B. chủ trương dựa vào Pháp để đem lại sự giàu mạnh, văn minh cho đất nước, coi đó là một trong những cơ sở giành độc lập.

C. phản đối tư tưởng dân chủ lập hiến, dựa vào ngôi vua để thu phục nhân tâm, rất phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam cũng như khu vực lúc bấy giờ.

D. tư tưởng Duy tân chỉ tác động tới một bộ phận trí thức không thể thâm nhập vào quảng đại quần chúng nhân dân lao động.

Câu 7. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến sự thất bại của phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX là

A. chưa có sự ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân.

B. chính quyền thực dân phong kiến còn quá mạnh.

C. chưa có tổ chức lãnh đạo sáng suôt và phương pháp cách mạng đúng đắn.

D. chưa xác định đúng kẻ thù của dân tộc.

Câu 8. Mục đích của Duy Tân hội là gì?

A. đánh đuổi thực dân Pháp và phong kiến giành độc lập dân tộc.

B. đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước cộng hòa dân quốc việt Nam.

C. đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập, thành lập một chính thể quân chủ lập hiến ở Việt Nam.

D. đánh đuổi thực dân Pháp khôi phục lại chế độ quân chủ chuyên chế ở Việt Nam.

Câu 9. Tháng 8/1908 phong trào Đông Dương tan rã vì

A. phụ huynh đòi đưa con em về trước thời hạn.

B. đã hết thời gian đào tạo phải về nước.

C. Phan Bội Châu thấy không có tác dụng nên đưa về nước.

D. nhà cầm quyền Pháp cấu kết với Nhật, trục xuất những người yêu nước Việt Nam

Câu 10. Chủ trương cứu nước của cụ Phan Châu Trinh là

A. chống Pháp và phong kiến.

B. dùng bạo lực giành độc lập.

C. dựa vào Pháp chống phong kiến xây dựng nước Việt Nam cộng hòa.

D. cải cách nâng cao dân sinh, dân trí, dân quyền, dựa vào Pháp đánh đổ phong kiến.

Câu 11. Hoạt động cứu nước của cụ Phan Châu Trinh thể hiện trên các lĩnh vực

A. kinh tế - văn hóa- xã hội. B. kinh tế - quân sự - ngoại giao.

C. kinh tế - xã hội – quân sự. D. văn hóa – xã hội – quân sự.

Câu 12. Phong trào chống thuế năm 1908 ở Trung Kì chịu ảnh hưởng của

A. hoạt động dạy học ở Đông Kinh Nghĩa Thục. B. phong trào Duy Tân.

C. phong trào Đông Du. D. Duy Tân Hội.

Câu 13. Năm 1906, Phan Chu Trinh và nhóm sĩ phu tiến bộ ở Quảng Nam đã

A. mở cuộc vận động Duy Tân ở Trung Kỳ.

B. thành lập Duy Tân hội.

C. thành lập Việt Nam Quang phục hội.

D. tổ chức phong trào Đông du.

Câu 14. Một trong những hoạt động độc đáo của cuộc vận động Duy Tân ở Trung Kỳ (1906) là

A. cổ động chấn hưng thực nghiệp, lập hội kinh doanh.

B. cuộc vận động cải cách trang phục và lối sống.

C. thành lập nông hội, mở lò rèn, xưởng mộc…

D. mở trường học theo lối mới.

Câu 15. Vì sao Phan Bội Châu chuyển từ chủ trương  «  Quân chủ lập hiến » sang chủ trương « Cộng hòa dân quốc » ?

A. Ảnh hưởng « chủ nghĩa Tam dân » của Tôn Trung Sơn.

B. Ảnh hưởng từ cuộc Duy tân Minh Trị.

C. Ảnh hưởng tư tưởng « Tự do – Bình đẳng – Bác ái » của cách mạng tư sản Pháp.

D. Ảnh hưởng phong trào Duy tân do Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi lãnh đạo.

Câu 16. Chủ trương cứu nước của cụ Phan Bội Châu là

A. chống Pháp và phong kiến.

B. dùng bạo lực giành độc lập.

C. dựa vào Pháp chống phong kiến xây dựng nước Việt Nam cộng hòa.

D. cải cách nâng cao dân sinh, dân trí, dân quyền, dựa vào Pháp đánh đổ phong kiến.

**BÀI 24.** **VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT** **(1914 - 1918)**

**Câu hỏi nhận biết.**

Câu 1. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất thực dân Pháp cũng cố hệ thống quan lại ở đâu?

A. Nam Kỳ. B. Bắc Kỳ. C. Trung kỳ. D. Trên cả 3 kỳ.

Câu 2. Với chính sách cai trị theo kiểu thực dân cũ của Pháp thì mọi quyền hành ở Việt Nam tập trung trong tay

A. thống sứ người Pháp. B. vua quan nam Triều.

C. chính phủ Pháp. D. thống sứ người Pháp và chính quyền Nam triều.

Câu 3. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp đã mở rộng thương thuyết với chính phủ nước nào để phối hợp đàn áp cách mạng Việt Nam?

A. Anh. B. Mĩ. C. Trung Quốc. D. Thái Lan.

Câu 4. Trong những năm diễn ra chiến tranh thế giới thứ nhất, toàn quyền Đông Dương tuyên bố điều gì trên lĩnh vực kinh tế Việt Nam?

A. Việt Nam phải có nghĩa vụ nộp hết ruộng đất cho địa chủ người Pháp.

B. Việt Nam phải có nghĩa vụ đóng góp sức người, sức của cho “nước mẹ tham chiến”.

C. Việt Nam phải chi phí cho chiến trường nước Pháp trong lúc có chiến tranh.

D. Việt Nam được Pháp đầu tư phát triển kinh tế.

Câu 5. Tổ chức Việt Nam Quang phục hội mở hoạt động trở lại khi nào?

A. Khi Phan Bội Châu bị bắt.

B. Khi Phan Bội Châu bị giam lỏng ở Huế

C. Khi chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ.

D. Khi chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.

Câu 6. Chính quyền thực dân đã chú trọng phục hồi các nghành công nghiệp nào ở Việt Nam?

A. Công nặng. B. Công nhẹ.

C. Công nghiệp phục vụ chiến tranh. D. Công nghiệp khai khoáng.

Câu 7. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp nào ở Việt Nam tăng nhanh về số lượng?

A. Công nhân. B. Nông dân.

C. Tư sản dân tộc. D. Tầng lớp tiểu tư sản.

Câu 8. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, tư sản Việt Nam như thế nào?

A. Bị Pháp chèn ép nên không phát triển được.

B. Có điều kiện để phát triển kinh tế và tăng nhanh về số lượng.

C. Bị phá sản vì không cạnh trạnh nổi với tư sản mại bản.

D. Bị phong kiến kìm hãm nên không phát triển.

Câu 9. Các tầng lớp tiểu tư sản ở Việt Nam trong chiến tranh thế giới thứ nhất bao gồm những thành phần nào trong xã hội?

A. Tiểu chủ,tiểu thương, tiểu nông.

B. Học sinh, sinh viên, dân nghèo.

C. Tiểu chủ, tiểu thương, công chức, học sinh, sinh viên.

D. Trí thức, tiểu thương, tiểu công, tiểu nông, thợ thủ công.

Câu 10. Hình thức đấu tranh đầu tiên của giai cấp công nhân Việt Nam là gì?

A. Đập phá mấy móc, đốt công xưởng.

B. Bãi công đòi tăng lương giảm giờ làm.

C. Bỏ việc, phá giao kèo, đánh lại cai thầu, đưa đơn yêu cầu, tham gia khởi nghĩa, bãi công.

D. Từ bãi công tiến tới tổng bãi côngđể đòi quyền lợi kinh tế.

**Câu hỏi mức độ thông hiểu**

Câu 1. Tại sao chính quyền thực dân Pháp cố gắng khôi phục, duy trì và mở rộng cơ sở công nghiệp ở Việt Nam?

A. Để thu được nhiều lợi nhuận phục vụ cho chiến tranh

B. Đề bù đắp cho công nghiệp chính quốc

C. Có cơ sở đầu tư ngày càng nhiều vào Việt Nam

D. Khai thác tối đa tài nguyên, thiên nhiên Việt Nam.

Câu 2. Giải thích vì sao các cơ sở sản xuất, buôn bán, giao thông vận tải,của người Việt Nam được cũng cố, mở rộng và xuất hiện nhiều cơ sở mới?

A. Do chiến tranh thế giới thứ nhất làm cho hàng hóa từ pháp đưa sang Việt Nam giảm sút.

B. Do Việt Nam có điều kiện phát triển các nghề trên.

C. Do Pháp không vận chuyển hàng hóa từ chính quốc sang Việt Nam.

D. Do Việt Nam có thị trường rộng lớn.

Câu 3. Vì sao trong chiến tranh thế giới thứ nhất sức sản xuất của nông dân ở nông thôn Việt Nam bị giảm sút?

A. Do Pháp bốc lột nặng nề, nạn đói thường xuyên xảy ra.

B. Nông dân bị đói khổ, không còn sức sản xuất.

C. Nông dân bị tước đoạt ruộng đất.

D. Pháp bắt nông dân đi lính đánh thuê cho Pháp.

Câu 4. Vừa mới ra đời giai cấp công nhân Việt Nam đã tiếp thu được điều gì?

A. Học thuyết của chủ nghĩa Mác-lênin.

B. Tư tưởng của cách mạng tháng Mười Nga.

C. Truyền thống yêu nước và ý chí đấu tranh bất khuất của dân tộc ta.

D. Tư tưởng của các trào lưu cứu nước ở các nước thuộc địa.

Câu 6. Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất công nhân Việt Nam tiếp thu được tư tưởng nào để chuyển sang đấu tranh tự giác?

A. Tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn.

B. Tư tưởng yêu nước của dân tộc ta.

C. Tư tưởng chủ nghĩa Mác- lênin.

D. Tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng.

Câu 7. Theo em, sau chiến tranh thế giới thứ nhất, ngoài thực dân Pháp còn có giai cấp nào trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam?

A. Giai cấp nông dân. B. Giai cấp công nhân.

C. Giai cấp địa chủ phong kiến. D. Giai cấp tư sản dân tộc.

Câu 8. Vì sao giai cấp công nhân Việt Nam sớm bước lên vũ đài đấutranh chống thực dân Pháp?

A. Họ là lực lượng cách mạng đông đảo và hăng hái nhất ở Việt Nam

B. Bị thưc dân Pháp áp bức, bốc lột nặng nề nhất.

C. Vì họ đại diện cho giai cấp tiên tiến nhất Việt Nam

D. Tăng nhanh về số lượng.

**Câu hỏi vận dụng**

 Câu 1. Vì sao Nguyễn Ái Quốc không đi theo con đường cách mạng mà các vị tiền bối đã chọn?

A. Con đường của họ không có nước nào áp dụng.

B. Con đường của họ là con đường cách mạng tư sản.

C. Nguyễn Ái Quốc nhìn thấy sự bế tắc của các con đường cứu nước đó.

D. Con đường cứu nước của họ chỉ đóng khung trong nước, không thoát khỏi sự bể tắc của chế độ phong kiến.

Câu 2. Điểm giống nhau của các phong trào cách mạng Việt Nam trong những năm 1914-1918 là:

A. có tổ chức và đường lối lãnh đạo đúng đắn.

B. hình thức đấu tranh phong phú.

C. Diễn ra chủ yếu ở Bắc Kỳ.

D. Thất bại do bế tắc về đường lối đấu tranh.

Câu 3. Bài học lớn nhất cho phong trào cách mạng trong những năm 1914-1918 là:

A. Có hình thức đấu tranh phong phú.

B. Quy mô rộng lớn.

C. Thu hút được nhiều giai tầng tham gia.

D. Có đường lối đấu tranh đúng đắn.